| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**THÀNH PHỐ H** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 161/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 10 - 2018
Về việc: Ly hôn và con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ H**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Sự.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Hoàng Đắc Hân,
2. Ông Phạm Văn Sóng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Mến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Hoàng Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 645/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 201/2018/QĐST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 1, T, xã D, huyện T, thành phố H; Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh Văn Đức S; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 10, thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh T; Nơi ở hiện nay: Thôn 1, T, xã D, huyện T, thành phố H; Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Thị T chung sống với nhau trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện từ năm 2011nhưng kể từ đó cho đến nay chị và anh Lê Thị T cũng không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị và anh Lê Thị T chung sống tại thôn 1, T, xã D, huyện T, thành phố H từ đó cho đến nay, quá trình chung sống đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế đến nay mâu thuẫn giữa chị và anh Lê Thị T đã căng thẳng và không còn khả năng đoàn tụ mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2017, không còn quan tâm nhau. Nay chị Lê Thị T đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lê Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Sỹ có 03 con chung tên: Lê Thị Thu H, sinh ngày 12/8/2012; Lê Trọng Ng, sinh ngày 14/02/2014 và Lê Ngọc L, sinh ngày 04/6/2015 do chị và anh Lê Thị T không có đăng ký kết hôn nên chị khai sinh 03 con chung mang họ của chị T (họ Lê), nay chị và anh Sỹ không phải là vợ chồng chị đề nghị được nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu anh Lê Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị T trình bày quá trình chung sống chị và anh Lê Thị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Lê Thị T vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Sỹ đã có đơn trình bày tại Tòa án với nội dung chung sống với chị Lê Thị T tại thôn T, xã D, huyện T, thành phố H từ năm 2011 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống anh S và chị T sinh được 03 con chung. Việc giải quyết đối với con chung tự cô T quyết định. Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các đương sự Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về việc kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Lê Thị T vẫn không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị T.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Lê Thị T có mặt; bị đơn là anh Lê Thị T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ điểm b khoản 3, Nghị quyết 35/QH10, ngày 09/6/2000 và Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị T; tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Lê Thị T. Về con chung và tài sản chung đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Bản sao Giấy khai sinh của con; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị T, anh Lê Thị T; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình; Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn; Biên bản xác minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Lê Thị T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Thị T.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Thị T chung sống với nhau từ năm 2011 nhưng kể từ đó cho đến nay không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy xác định chị Lê Thị T và anh Lê Thị T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình mà không làm thủ tục đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quá trình

chúng sống phát sinh mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017, chị Thúy đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lê Thị T. Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Lê Thị T là không hợp pháp vì không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh là hai bên đã đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, căn cứ điểm b, khoản 3, Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000 và Điều 14, Điều 15 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án thụ lý giải quyết và bằng bản án tuyên bố không công nhận chị Lê Thị T và anh Lê Thị T là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị T khai chị và anh Lê Thị T có 03 con chung tên: Lê Thị Thu H, sinh ngày 12/8/2012; Lê Trọng Ng, sinh ngày 14/02/2014 và Lê Ngọc L, sinh ngày 04/6/2015. Nay chị T đề nghị được nuôi cả 03 con chung. Xét, tài liệu xác minh thể hiện chị T và anh S như chị T trình bày là đúng. Do quá trình chung sống không có đăng ký kết hôn khi con sinh ra ngoài rã thú mang họ của chị T (họ Lê), mặt khác anh Lê Thị T có đơn đề nghị với nội dung xác định anh và chị Lê Thị T chung sống sinh được 03 người con như chị T trình bày và không có ý kiến gì. Hội đồng xét xử, xác định đây là tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết các đương sự đều thừa nhận và không cần phải chứng minh, do đó căn cứ 1, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thừa nhận các cháu Lê Thị Thu H, sinh ngày 12/8/2012; Lê Trọng Ng, sinh ngày 14/02/2014 và Lê Ngọc L, sinh ngày 04/6/2015 là con chung của chị Lê Thị T và anh Lê Thị T.

Nay chị Thúy đề nghị được nuôi cả 03 con chung. Hội đồng xét xử xét: Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện, chị T có thu nhập ổn định và điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc các con đảm bảo tốt mọi mặt. Mặt khác anh Sỹ có đơn gửi Ủy ban nhân dân xã D với nội dung đồng ý để chị T nuôi cả 03 con chung và không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận giao 03 con chung cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cả ba con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị T không yêu cầu anh Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Thị T không có ý kiến trình bày về cấp dưỡng nuôi con chung, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị Lê Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Thị T không có ý kiến trình bày về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 2, Nghị quyết số 35/QH10 ngày 09/6/2000; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1Điều 35; Điều 147; Điều

khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 14, Điều 15; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Không công nhận chị Lê Thị T và anh Lê Thị T là vợ chồng.

2. Giao con chung tên Lê Thị Thu Hà, sinh ngày 12/8/2012; Lê Trọng Nghĩa, sinh ngày 14/02/2014 và Lê Ngọc Lan, sinh ngày 04/6/2015cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cả 03 con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009388, ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng. Chị Lê Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã D, h. T, thành phố H
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Phục Lễ, h. Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**

| | |
|---|---|
| **HỘI THẨM NHÂN DÂN** | **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ** |
| **Phạm Công Hạ – Bùi Đình Hùng** | **Lê Thị Sự** |

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Sự**

***Nơi nhận:***
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Khúc Trọng Quang**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN**
**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Thuỷ Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2016*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà*: Ông Khúc Trọng Quang

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đỗ Văn Mạnh

2. Ông Hoàng Đắc Hân

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 12 tháng 8 năm 2016, tại phòng nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 266/2016/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2016 về việc "Ly hôn"giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Tính, sinh năm 1993; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: Thôn Niêm Ngoại, xã Kỳ Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh Đỗ Văn Tùng, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 6, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1.Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 227; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009,

Kết quả biểu quyết: 3/3

2.Về nội dung vụ án: Xử :

- Chị Đỗ Thị Tính được ly hôn anh Đỗ Văn Tùng

- Về con chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có con chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết
- Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Tính và anh Đỗ Văn Tùng không có tài chung và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết

Kết quả biểu quyết: 3/3

3.Về các vấn đề khác:

- Về án phí: Chị Đỗ Thị Tính phải nộp 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000057 ngày 26 tháng 5 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị Tính đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3

| **HỘI THẨM NHÂN DÂN** | **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ** |
|---|---|
| **Hoàng Đắc Hân - Đỗ Văn Mạnh** | **Khúc Trọng Quang** |

| | |
|---|---|
| **HỘI THẨM NHÂN DÂN** | **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ** |
| | **Khúc Trọng Quang** |
| **HỘI THẨM NHÂN DÂN** | **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ** |

**Trần Hữu Văn – Đào Hữu Dự**

**Khúc Trọng Quang**

***Nơi nhận:***
- TAND Tp Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã (TT) nơi thực hiện việc ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Khúc Trọng Quang**